

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Nam y Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Nam y Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Nam y Việt Nam đã được Đại hội đại biểu nhiệm kỳ 2022 - 2027 của Hội Nam y Việt Nam thông qua ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Nam y Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Y tế;
- Lưu: VT, TCPCP, PTG, CP.

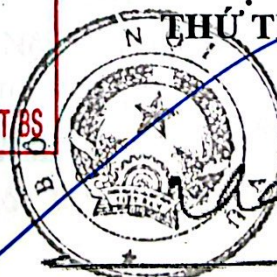
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 28-12-2023

SỐ CHỨNG THỰC: 5...9...0... QUYỀN SỐ: 01 SCT/BS

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Vũ Chiến Thắng



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Nguyệt Hoa



**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI NAM Y VIỆT NAM**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1040/QĐ-BNV
ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi:

- a) Tên tiếng Việt: Hội Nam y Việt Nam.
- b) Tên tiếng Anh: Viet Nam Traditional Medicine Association.
- c) Tên viết tắt tiếng Anh: VTMA.

2. Biểu tượng: Hội Nam y Việt Nam có biểu tượng riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Nam y Việt Nam (sau đây gọi là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân, tổ chức Việt Nam đã và đang hoạt động khám, chữa bệnh bằng thuốc Nam, tự nguyện thành lập nhằm mục đích tập hợp đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, giữ gìn, bảo tồn những bài thuốc Nam quý, góp phần xây dựng nền y học Việt Nam phát triển trong khu vực và quốc tế.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- 1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.
- 2. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội. Hội có thể lập Văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động

- 1. Hội hoạt động trên phạm vi toàn quốc, trong lĩnh vực thuốc Nam theo quy định của pháp luật.
- 2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý của Bộ Y tế và các Bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

- 1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật. Được cấp chứng chỉ hành nghề phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Hội khi có đủ điều kiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Được thành lập và quản lý các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội để thực hiện các nhiệm vụ, phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động của Hội.
8. Được thu hội phí hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
10. Được sử dụng nguồn lực của Hội để thực hiện các hoạt động tài trợ như: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chữa bệnh, từ thiện xã hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
11. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan

quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

12. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Phổ biến kiến thức cho hội viên; hướng dẫn hội viên tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động của Hội; xây dựng và ban hành các quy chế, quy định theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

7. Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí của Hội theo Điều lệ và quy chế của Hội, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

8. Định kỳ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

9. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

10. Lập và lưu trữ tại trụ sở Hội đơn, danh sách hội viên, chi hội; hồ sơ thành lập văn phòng đại diện và các đơn vị thuộc Hội; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội; biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội. Việc quản lý tài liệu thực hiện theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động, hành nghề trong lĩnh vực thuốc Nam, các nhà nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thuốc Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên liên kết: Công dân, tổ chức Việt Nam chưa có đủ điều kiện, tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, có đóng góp cho các hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội xem xét công nhận là hội viên liên kết của Hội;

c) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức của Việt Nam không có điều kiện tham gia làm hội viên chính thức của Hội nhưng có uy tín, có công lao đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội thì được Hội xem xét, mời làm hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân:

- Công dân Việt Nam có đầy đủ năng lực hành vi dân sự là các y, dược sĩ, các lương y, lương dược, những người có bài thuốc Nam gia truyền, các nhà nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thuốc Nam đã và đang hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuốc Nam, sản xuất thuốc Nam;

- Công dân Việt Nam không thuộc các đối tượng trên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có hiểu biết về thuốc Nam hiện đang tham gia vào các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực thuốc Nam.

b) Hội viên tổ chức: tổ chức Việt Nam có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật hoạt động trong lĩnh vực khám chữa bệnh bằng thuốc Nam, sản xuất thuốc Nam theo quy định của pháp luật. Đại diện cho hội viên tổ chức tham gia Hội phải là công dân Việt Nam và là người làm việc chính thức tại tổ chức. Trường hợp tổ chức thay đổi người đại diện thì phải có văn bản cử người thay thế báo cáo Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức. Được sử dụng hình ảnh và thông tin về Hội trên cơ sở cho phép của Hội để thực hiện công tác quảng bá và tuyên truyền cho tổ chức của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội; thực hiện đầy đủ các chủ trương, kế hoạch, nghị quyết chương trình hoạt động của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội, giữ vững và đề cao đạo đức nghề nghiệp; không được lợi dụng danh nghĩa Hội để tiến hành các hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hội, gây tổn hại uy tín cho Hội; tuân thủ mọi quy định của pháp luật trong lĩnh vực thuộc Nam.

3. Hội viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội về mọi hoạt động trong lĩnh vực thuộc Nam của mình.

4. Không ngừng học hỏi nâng cao trình độ góp phần xây dựng Hội, xây dựng lĩnh vực thuộc Nam.

5. Đoàn kết hợp tác với các hội viên để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

6. Đóng hội phí đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Ban Chấp hành Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên: Công dân hoặc tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này có nguyện vọng gia nhập Hội thì tự nguyện làm đơn, kèm theo hồ sơ xin gia nhập Hội, bao gồm:

a) Đơn xin vào Hội theo mẫu do Ban Chấp hành Hội quy định;

b) Bản sao chứng chỉ hay văn bằng chuyên môn được đào tạo;

c) Đối với tổ chức phải có bản sao quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Khi được kết nạp vào Hội, hội viên phải đóng hội phí lệ phí theo quy định của Hội.

Trong thời gian 6 (sáu) tháng kể từ khi nhận được đơn và hồ sơ đầy đủ của công dân xin gia nhập Hội, Ban Thường vụ Hội xem xét và đề nghị Ban Chấp hành Hội ra quyết định kết nạp hội viên. Trường hợp không được kết nạp thành hội viên, Ban Chấp hành Hội thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

2. Thủ tục hội viên ra khỏi Hội:

a) Đối với hội viên tự nguyện ra khỏi Hội: hội viên tự nguyện ra khỏi Hội có đơn gửi Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn của hội viên;

b) Đối với hội viên bị khai trừ hoặc xóa tên ra khỏi Hội:

- Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định khai trừ hội viên ra khỏi Hội trong các trường hợp sau:

+ Đối với hội viên cá nhân: bị tước quyền công dân theo quy định của pháp luật;

+ Đối với hội viên tổ chức bị giải thể hoặc tuyên bố phá sản;

+ Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội, vi phạm pháp luật Việt Nam;

+ Hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hội, gây tổn hại về uy tín hoặc tài chính của Hội;

+ Hội viên không tham gia hoạt động, không đóng hội phí quá 6 tháng;

- Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định xóa tên ra khỏi Hội khi hội viên cá nhân mất năng lực hành vi dân sự, bị chết hoặc tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

c) Quyền và nghĩa vụ của hội viên chấm dứt kể từ khi có thông báo của Ban Chấp hành Hội chấm dứt tư cách hội viên. Hội viên xin ra khỏi Hội phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Hội vào thời điểm nộp đơn xin ra khỏi Hội.

3. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục kết nạp hội viên vào Hội, ra khỏi Hội; quản lý việc cấp phát, sử dụng thẻ hội viên.

Chương IV TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng, các ban chuyên môn.

6. Tổ chức thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

7. Tổ chức cơ sở của Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

đ) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Hội;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu được triệu tập biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật;

các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Kiểm tra, Phó Trưởng ban Kiểm tra; bầu bổ sung, miễn nhiệm ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Tổng số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá $\frac{1}{3}$ (một phần ba) so với số lượng thành viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành Hội (kể cả ủy viên Ban Chấp hành được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành Hội đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp 06 (sáu) tháng 01 lần, có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội triệu tập khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành; trong trường hợp Chủ tịch Hội không triệu tập họp Ban Chấp hành theo yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Ban Chấp hành thì Phó Chủ tịch thường trực hoặc Tổng thư ký triệu tập;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành Hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định nhưng số lượng thành viên Ban Thường vụ không quá $\frac{1}{3}$ (một phần ba) số lượng thành viên Ban Chấp hành; nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập và quản lý các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội; phê chuẩn danh sách Ban Chấp hành và chức danh lãnh đạo của các tổ chức cơ sở của Hội;

d) Bầu, miễn nhiệm Tổng thư ký;

đ) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp 03 (ba) tháng 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ; trong trường hợp Chủ tịch Hội không triệu tập họp Ban Thường vụ theo yêu cầu của trên 1/2 tổng số thành viên Ban Thường vụ thì Phó Chủ tịch thường trực hoặc Tổng thư ký Hội triệu tập;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

4. Ban Thường vụ Hội cử một số thành viên gồm: Chủ tịch, một số Phó Chủ tịch (trong đó có Phó Chủ tịch thường trực) và Tổng thư ký Hội làm Thường trực Hội nhằm thay mặt Ban Thường vụ để chỉ đạo, điều hành, thực hiện triển khai các chương trình hoạt động hàng ngày của Hội kịp thời và hiệu quả theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu ra, Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức thuộc Hội, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội trùng với nhiệm kỳ Đại hội. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội; ký các quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội, tổ chức cơ sở của Hội; đặt văn phòng đại diện, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh người đứng đầu các tổ chức thuộc Hội trên cơ sở quyết định của Ban Thường vụ Hội thông qua trong kỳ họp gần nhất;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch thường trực Hội.

2. Phó Chủ tịch Hội:

a) Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội, tiêu chuẩn và số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định;

b) Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền;

c) Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội; phù hợp với điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký do Ban Thường vụ Hội bầu trong số thành viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Tổng thư ký do Ban Thường vụ Hội quy định.

2. Tổng thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phân công hoặc ủy quyền.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng thư ký:

a) Tổng thư ký là người giúp Chủ tịch Hội điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Văn phòng Hội;

b) Thừa lệnh Chủ tịch Hội ký các văn bản do Chủ tịch Hội ủy quyền;

c) Theo dõi điều hành triển khai các chương trình dự án và các hoạt động của Hội, chuẩn bị các báo cáo của Hội gửi lên các cơ quan cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền và chuẩn bị nội dung các báo cáo, nghị quyết trình Đại hội nhiệm kỳ;

d) Chuẩn bị nội dung, nghị quyết các kỳ họp và làm thư ký các kỳ họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

đ) Tổng thư ký Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn

1. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn hoặc tổ chức có tên gọi khác thuộc Hội (tổ chức không có tư cách pháp nhân) là bộ phận giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội; được tổ chức và hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành Hội ban hành phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Hội, quy chế làm việc của Ban Chấp hành Hội.

2. Chánh Văn phòng Hội:

Chánh Văn phòng Hội do Ban Thường vụ đề cử được Chủ tịch Hội ký quyết định bổ nhiệm, Chánh Văn phòng có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Lập danh sách và quản lý hồ sơ hội viên, theo dõi sự biến động hội viên, đi đến, chuyển nơi sinh hoạt;

b) Chuẩn bị tốt các tài liệu, địa điểm để tổ chức các cuộc họp, hội nghị của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, sơ kết và tổng kết năm, đại hội;

c) Lập danh sách kết quả thi đua khen thưởng, danh sách kỷ luật hội viên và tổ chức thuộc Hội;

d) Thực hiện tốt ngày kỷ niệm ngày thành lập Việt Nam;

đ) Thực hiện tốt việc đối ngoại khi các đối tác đến Văn phòng Hội;

e) Chánh Văn phòng Hội thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội phân công; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công.

Điều 20. Tổ chức cơ sở của Hội

1. Tùy theo nhu cầu và tình hình thực tế, Hội thành lập chi hội, liên chi hội, phân hội (gọi chung là tổ chức cơ sở của Hội), do Ban Chấp hành Hội quyết định

thành lập phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Tổ chức cơ sở của Hội là tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng.

2. Đại hội tổ chức cơ sở được tiến hành 5 (năm) năm một lần.

3. Nhiệm vụ của đại hội tổ chức cơ sở của Hội:

a) Tổng kết công tác nhiệm kỳ, xây dựng thông qua phương hướng kế hoạch nhiệm kỳ tới, báo cáo tài chính;

b) Bầu ban chấp hành và chức danh lãnh đạo của nhiệm kỳ mới.

Điều 21. Tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội

1. Tùy theo nhu cầu và tình hình thực tế, Hội thành lập và quản lý các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội để thực hiện các nhiệm vụ của Hội phù hợp với quy định của pháp luật, tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động của Hội. Hội chịu trách nhiệm quản lý toàn diện các tổ chức này, đảm bảo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận trong quá trình tổ chức và hoạt động. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Hội báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về việc thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu tổ chức pháp nhân thuộc Hội chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của tổ chức pháp nhân do mình là người đứng đầu.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 22. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 23. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có);
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 24. Quản lý sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Việc thu chi, sử dụng tài chính của Hội phải đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, đúng mục đích tôn chỉ của Hội, hiệu quả được phản ánh trên sổ sách kế toán theo quy định, tuân thủ các quy định của luật pháp về kế toán thống kê.
4. Báo cáo tài chính công khai tại hội nghị hàng năm của Ban Chấp hành Hội.

**Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật, tùy theo mức độ sai phạm, sẽ áp dụng các hình thức khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài các hình thức kỷ luật nêu trên, còn phải chịu trách nhiệm bồi thường hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể tiêu chí, thủ tục, quy trình, thẩm quyền xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội Hội Nam y Việt Nam thông qua khi được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) phải được Hội Nam y Việt Nam hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định pháp luật và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Nam y Việt Nam gồm 8 Chương (tám), 28 (hai mươi tám) Điều đã được Đại hội Hội Nam y Việt Nam thông qua ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội, Ban Chấp hành Hội Nam y Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này./.